

nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời bằng văn bản đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Các Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an có trách nhiệm phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải quyết các vấn đề phát sinh./.

KT. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thứ trưởng

VŨ HUY HOÀNG

KT. Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Thứ trưởng

HÀ HÙNG CƯỜNG

KT. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Thứ trưởng

NGUYỄN ĐÌNH BIN

KT. Bộ trưởng Bộ Công an

Thứ trưởng

NGUYỄN KHÁNH TOÀN

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**THÔNG TƯ số 18/2000/TT-BLĐTBXH
ngày 28/7/2000 hướng dẫn thực
hiện một số điều của Nghị định
số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000
của Chính phủ về chính sách cứu
trợ xã hội.**

Căn cứ Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000 của Chính phủ về chính sách cứu trợ

xã hội; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định này như sau:

A. ĐỐI TƯỢNG

I. ĐỐI TƯỢNG THUỘC DIỆN CỨU TRỢ XÃ HỘI THƯỜNG XUYÊN

Đối tượng thuộc diện cứu trợ thường xuyên tại xã, phường quản lý theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000 của Chính phủ gồm:

1. Đối với trẻ em mồ côi.

a) Trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị bỏ rơi, bị mất nguồn nuôi dưỡng và không còn người thân thích ruột thịt (ông, bà nội ngoại; bố mẹ nuôi hợp pháp, anh chị) để nương tựa.

b) Trẻ em dưới 16 tuổi chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại (mẹ hoặc cha) mất tích theo quy định tại Điều 88 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng (như tàn tật nặng, đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại), không có nguồn nuôi dưỡng và không có người thân thích để nương tựa.

Trường hợp trẻ em mồ côi nêu tại điểm a, b nói trên tuy còn người thân thích nhưng người thân thích không đủ khả năng để nuôi dưỡng (người thân thích dưới 16 tuổi hoặc trên 60 tuổi hoặc bị tàn tật nặng, đang trong thời gian thi hành án phạt tù tại trại, gia đình thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn mực do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố áp dụng cho từng thời kỳ) cũng được xem xét hưởng trợ cấp cứu trợ xã hội.

2. Đối với người già cô đơn không nơi nương tựa.

a) Người từ đủ 60 tuổi trở lên sống độc thân không có con (con đẻ hoặc con nuôi hợp pháp); không có cháu ruột và người thân thích cư mang để nương tựa, không có nguồn thu nhập.

b) Người từ đủ 60 tuổi trở lên tuy còn vợ hoặc chồng nhưng già yếu, không có con đẻ, con nuôi hợp pháp, cháu ruột thịt và người thân thích nương tựa; không có nguồn thu nhập.

Trường hợp người già nêu tại điểm a, b nói trên tuy có con, cháu và người thân thích để nương tựa nhưng con cháu và người thân thích không đủ khả năng để nuôi dưỡng (như gia đình thuộc diện nghèo, bản thân con, cháu và người thân thích dưới 16 tuổi hoặc trên 60 tuổi, đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại hoặc bị tàn tật nặng) cũng được xem xét hưởng trợ cấp cứu trợ xã hội.

Riêng trường hợp người già là phụ nữ cô đơn không nơi nương tựa, không có nguồn thu nhập từ đủ 55 tuổi trở lên, hiện đang hưởng trợ cấp cứu trợ xã hội vẫn tiếp tục được hưởng.

3. Đối tượng là người tàn tật nặng; người tâm thần mãn tính quy định tại khoản 3, 4 Điều 6 Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000 được thực hiện theo Thông tư số 13/2000/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 5 năm 2000 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 55/1999/NĐ-CP ngày 10/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh về người tàn tật.

II. ĐỐI TƯỢNG THUỘC DIỆN CỨU TRỢ XÃ HỘI ĐỘT XUẤT

Đối tượng thuộc diện cứu trợ xã hội đột xuất quy định tại Điều 14 Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2000 của Chính phủ là những người hoặc hộ gia đình khó khăn do hậu quả thiên tai hoặc những lý do bất khả kháng được xác định như sau:

1. Hộ gia đình.

a) Gia đình có: người bị chết, mất tích do hậu

quả thiên tai hoặc tham gia cứu hộ, cứu tài sản của Nhà nước và nhân dân.

b) Gia đình có: nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng không có chỗ ở. Trường hợp gia đình sống trên tàu, thuyền, mà tàu, thuyền bị vỡ, bị chìm hư hỏng nặng không còn chỗ ở cũng được xem xét cứu trợ.

c) Gia đình mất phương tiện sản xuất chính làm cho gia đình lâm vào cảnh thiếu đói.

2. Về người.

a) Người bị thương nặng do hậu quả của thiên tai hoặc tham gia cứu hộ, cứu tài sản của Nhà nước và nhân dân.

b) Người thiếu đói do giáp hạt, gia đình thuộc diện nghèo.

c) Người gặp phải rủi ro ngoài vùng cư trú bị thương nặng phải vào bệnh viện điều trị hoặc chết, gia đình không biết để chăm sóc hoặc mai táng.

d) Người lang thang xin ăn do Sở Công an phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan chức năng cấp tỉnh đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội trong thời gian tập trung chờ đưa về gia đình.

B. CHẾ ĐỘ CỨU TRỢ XÃ HỘI

I. CỨU TRỢ XÃ HỘI THƯỜNG XUYÊN

1. Mức trợ cấp cứu trợ xã hội thường xuyên.

Trẻ em mồ côi bị mất nguồn nuôi dưỡng, người già cô đơn không nơi nương tựa, không có nguồn thu nhập quy định tại Điều 10 của Nghị định nêu trên được xác định là mức tối thiểu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế của địa phương, nhưng không được thấp hơn mức quy định như sau:

- Trợ cấp cứu trợ xã hội thường xuyên cho đối tượng sống tại gia đình do xã, phường quản lý bằng 45.000 đồng/người/tháng.

- Trợ cấp nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Nhà nước quản lý bằng 100.000 đồng/người/tháng; riêng đối với trẻ em dưới 18 tháng tuổi phải ăn thêm sữa, mức trợ cấp bằng 150.000 đồng/người/tháng.

2. Khoản trợ cấp ngoài trợ cấp thường xuyên cho đối tượng sống tại cơ sở bảo trợ xã hội.

Các khoản trợ cấp cho các đối tượng sống tại cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước quản lý quy định tại Điều 11 Nghị định nêu trên được xác định như sau:

a) Trợ cấp để mua sắm tư trang, vật dụng phục vụ cho sinh hoạt, đời sống hàng ngày gồm các đồ dùng như: Quần áo, khăn mặt, bàn chải đánh răng, kem đánh răng, xà phòng giặt, dép nhựa, chăn, chiếu, màn.

b) Trợ cấp mua thuốc chữa bệnh thông thường theo các khoản mục quy định như cán bộ, công nhân viên chức được sử dụng tại y tế cơ quan.

c) Trợ cấp mua sách giáo khoa và đồ dùng học tập đối với trẻ em đi học phổ thông, bổ túc văn hóa. Mức trợ cấp được căn cứ vào cấp học, lớp học.

d) Trợ cấp hàng tháng vệ sinh cá nhân đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

e) Trợ cấp mai táng.

Các khoản trợ cấp nêu trên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương.

II. CỨU TRỢ XÃ HỘI ĐỘT XUẤT

1. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Mục

II Phần A được hưởng chế độ cứu trợ xã hội đột xuất một lần cho việc mai táng người bị chết hoặc trợ cấp một lần cho gia đình để lo hương khói, phúng viếng cho người mất tích.

Trường hợp chính quyền địa phương hay đơn vị đứng ra mai táng cũng được thanh toán bằng mức trợ cấp cho gia đình.

2. Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Mục II Phần A được hưởng chế độ cứu trợ xã hội đột xuất 1 lần cho việc dựng lại và sửa chữa nhà ở.

3. Đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Mục II Phần A được hỗ trợ cứu đói, thời gian từ 1 đến 3 tháng.

4. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Mục II Phần A được hỗ trợ một phần chi phí điều trị.

5. Đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Mục II Phần A được hỗ trợ một phần chi phí điều trị. Trường hợp bị chết, chính quyền địa phương hay đơn vị đứng ra mai táng thì cũng được thanh toán bằng mức trợ cấp cho gia đình quy định tại khoản 1 Mục II Phần B nêu trên.

6. Đối tượng là người lang thang xin ăn trong thời gian tập trung phân loại được trợ cấp 5.000 đồng/ngày trong thời gian không quá 15 ngày.

Mức trợ cấp cứu trợ xã hội đột xuất đối với từng nhóm đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Mục II Phần A Thông tư này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tùy theo mức độ thiệt hại, thiếu đói và khả năng huy động nguồn lực.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối tượng là trẻ em mồ côi, người già cô đơn không nơi nương tựa muốn được hưởng trợ cấp cứu trợ xã hội thường xuyên thì bản thân hoặc người thân thích phải làm đơn trình bày rõ hoàn cảnh và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Người thuộc diện cứu trợ xã hội thường xuyên quy định tại Điều 6 của Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000 của Chính phủ thuộc diện đặc biệt khó khăn không tự lo được cuộc sống muốn được vào cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước thì bản thân hoặc người thân thích phải làm đơn đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

+ Lập danh sách những đối tượng được quy định tại Mục I Phần A của Thông tư này; thông qua Hội đồng xét duyệt cấp xã đề nghị hưởng trợ cấp xã hội, đối với đối tượng xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thì đề nghị đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội.

+ Khi thiếu đói, thiên tai xảy ra phải tiến hành lập danh sách đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Mục II Phần A Thông tư này, thông qua Hội đồng xét duyệt cấp xã đề nghị hưởng cứu trợ xã hội đột xuất.

+ Riêng, đối với người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú theo quy định tại điểm c khoản 2 Mục II Phần A Thông tư này thì giải quyết như sau:

- Đối với người bị thương: cơ sở y tế trực tiếp điều trị người bị thương, lập danh sách gửi cơ quan lao động - thương binh và xã hội nơi cơ sở y tế đóng để trình cấp có thẩm quyền quyết định mức cứu trợ đột xuất.

- Đối với người chết: chính quyền, tổ chức hay cá nhân đứng ra mai táng người chết, lập danh sách gửi cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp huyện nơi chôn cất để trình cấp có thẩm quyền quyết định mức trợ cấp mai táng phí.

+ Thành lập Hội đồng xét duyệt gồm: Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng gồm đại diện: Mặt trận Tổ quốc, một số ban, ngành và cán bộ làm công tác lao động - thương binh và xã hội là ủy viên thường trực. Hội đồng xét duyệt phải có kết luận bằng biên bản và danh sách kèm theo.

Sau khi được Hội đồng xét duyệt thông qua, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có công văn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định. Kèm theo công văn phải có biên bản của Hội đồng xét duyệt, danh sách trích ngang những người đề nghị hưởng trợ cấp cứu trợ thường xuyên, hồ sơ của đối tượng xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đề nghị đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội, danh sách hộ gia đình, đơn vị đề nghị cứu trợ xã hội đột xuất.

+ Lập sổ quản lý và thực hiện chi trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng được cứu trợ xã hội thường xuyên.

+ Thực hiện việc tiếp nhận đối tượng cứu trợ xã hội thường xuyên từ cơ sở bảo trợ xã hội trở lại địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng xã hội ổn định cuộc sống và hòa nhập cộng đồng.

+ Lập sổ tiếp nhận, phân phối tiền hàng cứu trợ đột xuất.

+ Tổ chức thực hiện cứu trợ xã hội đột xuất trực tiếp, kịp thời đến các đối tượng tại địa phương.

3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Phòng Tổ chức Lao động Xã hội cấp huyện có trách nhiệm:

+ Tổng hợp danh sách các đối tượng cứu trợ xã hội thường xuyên và đột xuất do Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị hưởng trợ cấp cứu trợ xã hội; căn cứ khả năng nguồn kinh phí trợ cấp của huyện và hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định trợ cấp cứu trợ xã hội tại cộng đồng và trợ cấp cứu trợ xã hội đột xuất.

+ Đối với những đối tượng xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do cấp xã đề nghị đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện quyết định (nếu cơ sở bảo hiểm xã hội do huyện quản lý) hoặc gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét

quyết định (nếu cơ sở bảo hiểm xã hội thuộc tỉnh quản lý).

+ Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thôi hưởng trợ cấp đối với các đối tượng xã hội không còn đủ điều kiện.

+ Hướng dẫn cấp xã tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp đối tượng xã hội và tổ chức thực hiện cứu trợ xã hội đột xuất.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh có trách nhiệm:

+ Hàng năm, căn cứ vào số lượng các đối tượng, mức trợ cấp cho từng loại đối tượng lập kế hoạch kinh phí trợ cấp cứu trợ xã hội thường xuyên và cứu trợ xã hội đột xuất gửi Sở Tài chính Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

+ Tổng hợp danh sách đối tượng thuộc diện cứu trợ xã hội đột xuất do Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị. Căn cứ vào nguồn kinh phí trợ cấp của tỉnh, nguồn kinh phí trợ cấp của Trung ương và các nguồn trợ giúp khác, lập phương án cứu trợ xã hội đột xuất gửi Sở Tài chính Vật giá, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

+ Hướng dẫn cấp dưới tổ chức thực hiện trợ cấp cứu trợ xã hội thường xuyên và đột xuất.

+ Ra quyết định tiếp nhận đối tượng thuộc diện cứu trợ xã hội thường xuyên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội thuộc ngành quản lý và quyết định trợ cấp xã hội đột xuất cho các đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Mục II Phần A thuộc Thông tư này.

5. Cơ sở bảo trợ xã hội có trách nhiệm:

+ Tiếp nhận đối tượng xã hội theo quyết định của cấp có thẩm quyền, tổ chức nuôi dưỡng, đảm bảo đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần cho người thuộc diện cứu trợ xã hội do cơ sở quản lý.

+ Vận động các cơ quan, tổ chức, cá nhân trợ giúp đối tượng xã hội đặc biệt khó khăn, quản lý

sử dụng nguồn huy động theo đúng quy định hiện hành để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đối tượng xã hội.

+ Thực hiện các biện pháp để nuôi dưỡng, bảo đảm cho đối tượng xã hội có sức khỏe và nâng cao khả năng tái hòa nhập cộng đồng, phối hợp với địa phương tổ chức đưa đối tượng trở về khi có đủ điều kiện.

+ Quyết định đưa các đối tượng đủ điều kiện hòa nhập cộng đồng về địa phương.

6. Khi thiên tai xảy ra trên diện rộng, Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Ban chỉ đạo tiếp nhận và phân phối tiền, hàng cứu trợ do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm trưởng ban, lãnh đạo ngành Lao động - Thương binh và xã hội là phó ban thường trực, lãnh đạo ngành Tài chính - Vật giá, lãnh đạo các Ban, ngành có liên quan và Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ làm thành viên. Ban có trách nhiệm tiếp nhận và phân phối tiền, hàng cứu trợ, chỉ đạo thành lập các đội xung kích để thực hiện cứu trợ khẩn cấp, kịp thời cho nhân dân, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng bị cô lập.

D. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

- Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu xem xét giải quyết./.

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG